

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 8 – 2025

*Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con và cấp dưỡng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ.

2. Ông Tăng Ngọc Châu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47C/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị H, sinh ngày 12/3/1993.

Địa chỉ: ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Anh Kim K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2025 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Thạch Thị H trình bày:

Chị Thạch Thị H và anh Kim K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết

hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2017. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Kim Thị H1 (nữ) sinh ngày 15/9/2011 và Kim Khunh Đ (nam) sinh ngày 01/8/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, hiện nay tình cảm không còn, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 9/2024 cho đến nay.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Kim K.
- Về con chung: Chị Thạch Thị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Kim Thị H1 (nữ) sinh ngày 15/9/2011 và Kim Khunh Đ (nam) sinh ngày 01/8/2012.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị H yêu cầu anh Kim K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị H giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị Thạch Thị H và anh Kim K; bản sao căn cước công dân của chị Thạch Thị H; bản sao Giấy khai sinh của cháu Kim Thị H1; bản sao Giấy khai sinh của cháu Kim Khunh Đ.

Đối với bị đơn anh Kim K: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh K không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh K cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh K và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 11/8/2025, bị đơn K vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Kim K và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã

Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Kim K đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Giấy khai sinh của cháu Kim Thị H1 và cháu Kim Khunh Đ cũng như việc không phản đối của anh Kim K; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H về việc kết hôn với anh Kim K được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2017 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị H và anh K đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị H và anh K không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị H và anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh K.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Kim Thị H1 và cháu Kim Khunh Đ còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ, như vậy chị H đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh K suốt thời gian chị H nuôi con, anh K đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh K đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, cháu Kim Thị H1 và

cháu Kim K1 Đết có nguyện vọng muốn sống với mẹ và chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Kim Thị H1 (nữ) sinh ngày 15/9/2011 và Kim Khunh Đ (nam) sinh ngày 01/8/2012 đến khi cháu H1 và cháu Đ thành niên theo nguyện vọng của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị H nuôi dưỡng hai con được tốt hơn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, việc chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thị H1 và cháu Kim K1 Đết mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Kim Thị H1 và cháu Kim K1 Đết đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Kim K phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị H được ly hôn với anh Kim K.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Thạch Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Kim Thị H1 (nữ) sinh ngày 15/9/2011 và Kim Khunh Đ (nam) sinh ngày 01/8/2012 đến khi cháu H1 và cháu Đ thành niên theo nguyện vọng của hai cháu.

Trong thời gian chị Thạch Thị H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Kim K phải cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thị H1 (nữ) sinh ngày 15/9/2011 và Kim Khunh Đ (nam) sinh ngày 01/8/2012 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho mỗi người con, cấp dưỡng cho đến khi cháu Kim Thị H1 và cháu Kim Khunh Đ đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng lần đầu là ngày 28/8/2025, việc cấp dưỡng của anh K được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Kim Thị H1 và cháu Kim Khunh Đ, chị H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh K có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002146 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ), chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Kim K phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Chị Thạch Thị H và anh Kim K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - TAND thành phố Cần Thơ;
 - UBND phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

VÕ THỊ HIẾU